

Số: **270/2020/QĐST-HNGĐ**

Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 015, ngày 02 tháng 02 năm 2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T và chị Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh T và chị Đ có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Nhật K, sinh ngày 02/4/2013; anh T và chị Đ thống nhất, sau khi ly hôn, chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K.

[3]. Về cấp dưỡng: Anh T cấp dưỡng nuôi cháu K với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Đ thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Anh T và chị Đ mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Nguyễn Nhật K, sinh ngày 02/4/2013.

1.3. *Về cấp dưỡng*: Anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Nhật K với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu Trần Nguyễn Nhật K đủ 18 tuổi.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

1.6. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0050536 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND P. C, Tp. T; tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng